

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 07/4/2021

“V/v kiện tranh chấp hợp  
đồng hội và vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tôn

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:***  
Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 08/2021/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2021 V/v “*Kiện tranh chấp hợp đồng hội và vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2021/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TĐ, xã VT, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* - Chị Trần Tú Q, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt);

- Anh Lâm Minh S, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp VB, xã VT, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021 cùng các tài liệu chứng cứ và lời trình bày chị Bùi Thị M như sau:*

Nguyên vào năm 2016 chị có chơi hội do chị Q làm chủ và cho chị Q mượn một số tiền, đến khi hốt hội nhưng chị Q không chung hội cho chị và cũng không có trả tiền mượn như đã thỏa thuận ban đầu. Đến ngày 26/02/2017 hai bên gặp nhau trao đổi thỏa thuận đi đến thống nhất chốt tiền hội, tiền mượn thì chị Q còn nợ lại là 96.450.000 đồng, hai bên có làm giấy cam kết trả nợ.

Số tiền trên chị Q hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, sau đó trả tăng lên 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, nhưng chị Q không thực hiện đúng như lời hứa mà mãi đến ngày 01/3/2020 chị Q chỉ trả được 19.114.000 đồng. Như vậy còn nợ lại là 77.336.000 đồng, chị đã nhiều lần đến gặp anh S chồng chị Q để trao đổi

vụ tiền nợ thì anh S hứa sẽ cố gắng trả theo hình thức từ từ nhưng anh S cũng không trả cho chị được phần nào.

Do vậy chị yêu cầu chị Q, anh S phải trả cho chị số tiền còn nợ lại là 77.336.000 đồng, trả một lần và tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 4 năm 2017 đến nay (sau khi trừ số tiền chị Quyên trả 19.114.000 đồng).

- *Bị đơn chị Trần Tú Q trình bày:* Chị thừa nhận vào khoảng năm 2016 chị có làm chủ hội chị M có tham gia chơi được một thời gian thì chị tuyên bố bãi hội không tiến hành xổ hội tiếp tục, nên còn nợ của chị M một số tiền hội cộng tiền chị mượn nhưng không có khả năng trả được. Đến ngày 26/02/2017 thì chị có làm giấy nợ cho chị M và hiện tại chị còn nợ số tiền là 94.450.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến mười tháng sau sẽ tăng lên 3 đến 4.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ, nhưng chị không thực hiện được mà chỉ trả cho chị M nhiều lần tổng cộng được 19.114.000 đồng cho đến nay.

Chị Q thừa nhận còn nợ chị M là 77.336.000 đồng và xin trả dần cho chị M mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt điểm số nợ kể cả số tiền lãi, còn trả một lần là chị không có khả năng.

- *Anh Lâm Minh S trình bày:* Anh thừa nhận vợ chồng anh còn nợ chị M là 77.336.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua cuộc xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ HĐXX nhận định vụ án như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp hợp đồng hội và vay tài sản giữa nguyên đơn chị Bùi Thị M, bị đơn chị Trần Tú Q, anh Lâm Minh S trong vụ án được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa chị Trần Tú Q, anh Lâm Minh S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Sau khi xem xét Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung: Thời gian từ năm 2016 thì giữa chị Bùi Thị M với chị Trần Tú Q có thỏa thuận góp hội với nhau, chị Q làm chủ hội, chị M là thành viên trong các phần hội. Quá trình chơi hội, chị M thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hội của mình cho đến khi chị Q ngưng xổ hội (bãi hội). Tuy nhiên, từ khi ngưng xổ hội đến nay chị Q vẫn chưa giao tiền hội đầy đủ cho chị M. Đồng thời cũng trong thời gian này chị Q có mượn chị M một số tiền nhưng chưa trả được. Đến ngày 26/02/2017 thì hai bên gặp nhau bàn bạc thỏa thuận đi đến thống nhất chốt tiền hội, tiền mượn thì chị Q còn nợ lại là 96.450.000 đồng, có làm giấy cam kết nợ với nhau và chị Q hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến mười tháng sau sẽ tăng lên từ 3 đến 4.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ, nhưng chị Q cũng không thực hiện mà mãi đến ngày 01/3/2020 mới trả cho chị M được 19.114.000 đồng cho đến nay. Từ đó chị M khởi kiện yêu cầu chị Q, anh S phải trả cho chị số tiền còn nợ lại là 77.336.000 đồng, trả một lần và tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 4 năm 2017 đến nay.

[3] Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hụi và vay tài sản như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471, 463 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ trong hợp đồng hụi và vay tài sản là 77.336.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày cam kết trả nợ cho đến nay là phù hợp với điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, hơn nữa chị Q cũng đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị M. Do đó, lãi suất được tính như sau:

Tiền vốn 77.336.000đ từ ngày 26/4/2017 đến ngày xét xử ngày 07/4/2021 là 47 tháng 13 ngày ( $77.336.000 \text{ đ} \times 0,833\% \times 47 \text{ tháng } 13 \text{ ngày}$ ) = 30.567.960 đồng.

[4] Xét yêu cầu xin trả dần hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ của chị Q, anh S nhưng không được chị M chấp nhận cho nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

[5] Về án phí DSST chị Q, anh S phải chịu nộp 5.395.198 đồng vì chị và anh có lỗi trong vụ kiện này.

Chị Bùi Thị M được nhận lại số tiền 1.932.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng trước đây theo biên lai thu số **0009652** ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao. Vì yêu cầu khởi kiện của chị được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 471, 463, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M đối với chị Trần Tú Q, anh Lâm Minh S “Về việc tranh chấp hợp đồng hụi và vay tài sản”.

Buộc chị Trần Tú Q, anh Lâm Minh S có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị M 77.336.000 đồng tiền vốn, 30.567.960 đồng tiền lãi. Cộng chung vốn, lãi bằng 107.903.960 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, chín trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2. Về án Phí:** Án phí DSST chị Trần Tú Q, anh Lâm Minh S có nghĩa vụ nộp 5.395.198 đồng (làm tròn 5.395.000 đồng) (*Năm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị M số tiền 1.932.000 đồng (*Một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng*) mà chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số **0009652** ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**3. Quyền kháng cáo:** Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/4/2021).

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**Trần Văn Tôn**